TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH QN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HSST
Ngày 26/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH QN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Một.
- Các hội thẩm nhân dân:
+ Ông Trần Văn Trước.
+ Ông Nguyễn Đăng Thám.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện TB.
- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 14/2021/TLST -HS ngày 02 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L- Sinh ngày: 04/10/1997 tại TB, QN. Nơi ĐKHKTT: Thôn Tứ Sơn, xã Bình Tr, huyện TB, tỉnh QN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Nguyễn Hữu B - Sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm: 1971; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; Họ và tên vợ: Phạm Thị Hằng H- Sinh năm 2000; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2016 bị Công an huyện TB xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích"; Bị cáo hiện đang tại ngoại: Có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Trần Hoàng C- Sinh năm 1984. Vắng mặt.
Trú tại: Tổ 02, thôn Kế Xuyên 2, xã Bình Tr, huyện TB, tỉnh QN**.**
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
+ Trần C– Sinh năm 1975. Vắng mặt.
Trú tại: Thôn An Mỹ, xã Bình An, huyện TB, tỉnh QN**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/12/2020, Nguyễn Văn L nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để bán kiếm tiền tiêu xài nên L đi bộ đến khu vực chợ Kế Xuyên cũ (thuộc thôn Kế Xuyên 2, xã Bình Tr, huyện TB). Khoảng 13 giờ cùng ngày, L phát hiện bên hông trái

nhà anh Trần Hoàng C(sinh năm 1984, trú Tổ 2, thôn Kế Xuyên 2, xã Bình Tr, huyện TB) có một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 92H1-020.51 (xe này của anh Trần Hoàng C) cắm sẵn chìa khóa. L quan sát không có người trông coi, L liền đi lại ngồi lên và điều khiển xe chạy đi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô BKS 92H1- 020.51 đến địa phận thôn An Mỹ, xã Bình An, huyện TB nhìn thấy tiệm sửa xe C (do anh Trần C– sinh năm 1975, trú: Thôn An Mỹ, xã Bình An, huyện TB là chủ tiệm), L đi vào hỏi anh C có mua xe mô tô BKS 92H1-020.51 không nhưng anh C không mua nên L đã để xe lại cho anh C sửa chữa và mượn của anh C số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Đến sáng ngày 08/12/2020, L quay lại tiệm sửa xe tiếp tục mượn của anh C thêm 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền 1.650.000 đồng mượn được của anh Trần C, L dùng để tiêu xài cá nhân, còn lại 270.000 đồng (Hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đến sáng ngày 10/12/2020, anh Trần Hoàng C đi ngang tiệm sửa xe C thì nhìn thấy xe mô tô BKS 92H1-020.51 của mình trong tiệm sửa xe nên đã báo cho Công an huyện TB đến giải quyết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TB kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 92H1-020.51, số máy 5C63440071, số khung: C630BY440019 trị giá: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSTB-HS ngày 25/02/2021 viện kiểm sát nhân dân huyện TB đã truy tố Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

* Tại hồ sơ vụ án, bị hại Trần Hoàng C khai: Ngày 07/12/2020 bị cáo Nguyễn Văn L trộm cắp của tôi 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, biển kiểm soát 92H1-020.51, số máy 5C63440071, số khung: C630BY440019 trị giá: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hiện nay tôi đã nhận lại chiếc xe này và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần C có khai trong hồ sơ vụ án: Khoảng 14 giờ ngày 07/12/2020 có một người thanh niên (sau này tôi biết tên là Nguyễn Văn L) điều khiển xe mô tô BKS 92H1- 020.51 đến tiệm sửa xe C do tôi là chủ tiệm hỏi tôi có mua xe mô tô BKS 92H1-020.51 không, tôi có hỏi xe của ai thì L bảo là xe của cha L nhưng tôi không mua nên L đã để xe lại yêu cầu tôi sửa chữa và mượn của tôi số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), lúc đó L có để lại cho tôi 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L. Đến sáng ngày 08/12/2020, L quay lại tiệm sửa xe tiếp tục mượn của tôi thêm 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) và xin tôi cho nhận lại giấy chứng minh nhân dân, tôi đưa giấy chứng minh nhân dân cho L và có photo lại 01 bản đồng thời L hứa khi nào đến lấy xe sẽ trả tiền mượn và tiền công sửa xe cho tôi, khi sự việc bị phát hiện L đã mang đến trả cho tôi 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền L đã mượn của tôi và 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền công sửa xe mô tô BKS

92H1-020.51. Khi L đem xe đến tiệm yêu cầu sửa và mượn tiền của tôi thì tôi không biết đây là tài sản do L trộm cắp mà có. Nay tôi không yêu cầu L bồi thường gì thêm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo với hành vi lén lút trộm cắp của anh Trần Hoàng C 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 92H1-020.51 trị giá 10.000.000 đồng. Giữ nguyên tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo. Đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TB, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của Nguyễn Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 07/12/2020, Nguyễn Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen đỏ, BKS 92H1-020.51 của anh Trần Hoàng C đang dựng bên hông trái nhà anh C đi tìm nơi tiêu thụ. Do chưa tiêu thụ được nên L để xe mô tô trên ở tiệm sửa xe của anh Trần C tại thôn A M, xã Bình A, huyện TB, tỉnh QN để sửa thì bị phát hiện. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt

là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB nên xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực để điều khiển hành vi của mình, bị cáo có sức khỏe và điều kiện để lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, tuy nhiên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản L tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con còn nhỏ nên HĐXX xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, vào năm 2016 bị cáo bị Công an huyện TB xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích với mức phạt tiền 750.000 đồng, dù đã bị xử L hành chính về hành vi cố ý nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo mà xét cần cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[5] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án xử buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- VKS nhân dân tỉnh QN;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Công an huyện TB;
- Những người TGTT.
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Một